

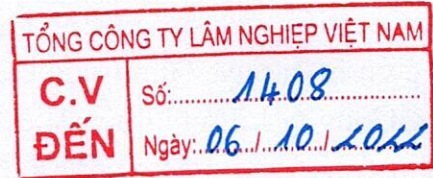
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2022 /DSST

Các ngày 02 đến 05/8/2022

“V/v T/c QSD đất và tài sản gắn liền với đất ”



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/8/2022 đến 05/ 8/ 2022, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/ TLS - DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 Về việc: “ Tranh chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Phương, sinh năm 1985;

Ông Triệu Văn Minh, sinh năm 1982;

Đều cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977;

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983;

(Có mặt tại phiên tòa)

+ Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994; (*Vắng mặt*)

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD’ Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980;

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần. (Có mặt tại phiên tòa)
(Theo Giấy ủy quyền số 303/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 27/03/2020 của Tổng giám đốc Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.)

Địa chỉ: Tổ 4, phường Chùa Hang, Thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái nguyên.

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do và đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, lời khai của Nguyễn đơn và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Minh, bà Phan Thị Phương tại phiên tòa trình bày:

Năm 1993, bố chồng tôi là ông Triệu Tiến Tiên (nay đã mất) được Lâm trường Đồng Hỷ giao 4,2 ha đất thuộc lô, 18; 21 khoảnh 11B tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà tại Xóm Bãi Vàng xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thể hiện thông qua sổ bì xanh “Hồ sơ giao đất rừng” số 924 mang tên ông Triệu Tiến Tiên. Trên diện tích đất được giao, từ năm 1993 bố chồng tôi trồng cây mỡ, cây phân và từ năm 2008 có trồng thêm sắn. Cả quá trình sử dụng bố tôi không có tranh chấp với ai.

Vào năm 2011, bố chồng tôi có cho vợ chồng tôi sử dụng 01 ha đất thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà và 3 ha trong tổng diện tích 4,2 ha thuộc lô 18; 21, khoảnh 11B, tiểu khu 413 trong sổ xanh. Còn lại hơn 1 ha đất trong sổ xanh thì bố giữ lại sử dụng, trồng phân ổn định đến bây giờ.

Đối với diện tích 01 ha đất thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà, về nguồn gốc, đất này bố tôi được hàng xóm cho lại để sử dụng. Sau này, bố tặng lại cho vợ chồng tôi. Sau khi được bố chồng tặng cho, vợ chồng tôi thực hiện trồng keo trên toàn bộ diện tích đất. Đến năm 2016 thì cây keo được thu hoạch. Khi khai thác cây, Chi nhánh của Tổng Công ty là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên yêu cầu vợ chồng tôi phải nộp khoán sản phẩm 15m³/ha dù Công ty không bỏ vốn đầu tư. Thời điểm này, đội Lâm nghiệp xóm vào nhà tôi xin số chứng minh nhân dân của chồng tôi với lý do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên trả phần đất này về địa phương thì sẽ chuyển sang tên chồng tôi. Do đó chồng tôi đã cung cấp hồ sơ cá nhân. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng tôi nhận được thông báo ra lấy tiền đầu tư rừng trồng năm 2016, vợ chồng tôi không đồng ý thì công ty thông báo dù không nhận đầu tư cuối chu kỳ vẫn phải trả 33m³/ha cho Công ty.

Đối với diện tích 3 ha đất được cho trong tổng diện tích 4,2 ha thuộc lô 18; 21, khoảnh 11B, tiểu khu 413 trong sổ xanh, năm 2013 vợ chồng tôi cũng tự bỏ vốn

để trồng cây keo. Lúc này, điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình tôi phải vay vốn ngân hàng chính sách hộ nghèo để trồng rừng. Năm 2016, Công ty tự ý vào đất của tôi cắm mốc và đo đạc không được sự đồng ý của vợ chồng tôi. Đến tháng 4/2019, gia đình tôi bán cây rừng trồng trên 2ha đất thuộc 01 phần lô 21 khoảnh 11B, tiểu khu 413 từ năm 2013 để thu hồi vốn tự đầu tư nhưng cán bộ sản xuất của Chi nhánh Tổng Công ty là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên nói đất tôi trồng rừng là đất của Công ty, công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011. Công ty gây khó khăn, buộc vợ chồng tôi phải ký vào hợp đồng giao khoán không có số liệu, không có diện tích, không có vị trí rừng cho kỳ sau và phải nộp 16.320.000 đ tiền sử dụng đất thì mới được khai thác. Do cần bán cây để trang trải cuộc sống nên tôi đã nộp đầy đủ số tiền trên cho Chi nhánh của Tổng công ty. Sau khai thác, Công ty vào đo đạc và xác định phần diện tích đất rừng tôi vừa thu hoạch cây là 1.6 ha thuộc lô C53, C53a khoảnh 11B, tiểu khu 195 và toàn bộ diện tích 4ha đất tôi đang canh tác đều thuộc thửa số 188 tờ bản đồ số 4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866531 cho Công ty ngày 15/02/2011.

Nhận thấy, về nguồn gốc đất, vợ chồng tôi được bố mẹ tôi để lại cho để canh tác theo biên bản hợp gia đình, quá trình canh tác phải tự bỏ vốn đầu tư. Nhưng Tổng Công ty Lâm nghiệp lại tự ý cắm mốc, thu khoán sản phẩm bất hợp pháp. Do đó, ngày 08/09/2019, tôi đã nộp hồ sơ khởi kiện Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần ra Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để đề nghị:

1. Đề nghị xác định toàn bộ 4,10 ha đất rừng theo kết quả đo đạc của Công ty Hà Nguyên Châu trích đo tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh trong đó có 03 ha thuộc lô 18, 21 trong sổ xanh mang tên bố chồng tôi cho tôi và 1,10 ha thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó thuộc quyền sử dụng của vợ chồng tôi. Đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên diện tích đất này thuộc quyền sở hữu của tôi. Gia đình tôi có quyền khai thác, vận chuyển và hưởng giá trị sản phẩm số cây trên đất.

2. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số BA866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/2/2011.

3. Đề nghị Công ty hủy bỏ hợp đồng kí ngày 17/04/2019 do vi phạm sự tự nguyện khi giao kết Hợp đồng.

*** Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – ông Phạm Huy Bình trình bày:**

Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của phía Nguyên đơn lý do:

Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, thể hiện qua các văn bản sau:

Tại quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc thành lập Lâm trường Đồng Hỷ.

Tại Quyết định 3225/QĐ-UB Ngày 14/11/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Tại kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành về đất đai đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên nay là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên - Công ty cổ phần với diện tích là **12.919.860 m²** trên đất lâm nghiệp Công ty được giao theo Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái và kết luận thanh tra số 1655/STNMT – TT ngày 17/7/2009 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Thứ hai, về việc hợp đồng giao khoán: Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2016 cho ông Triệu Văn Minh (chồng bà Phan Thị Phương) với tổng diện tích là **1,00 ha** đất có hợp đồng giao khoán cho ông Triệu Văn Minh, nằm trong 12,87 ha (trong số giao đất giao rừng số 924 Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho ông Triệu Tiến Tiên là bố đẻ của ông Minh) tại khoảnh 11B tiểu khu 195, thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006.

Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên, căn cứ trên đơn yêu cầu đề nghị giao khoán của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán cho hộ dân.

Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất:

Tại khu vực khoảnh 11B, tiểu khu 195, thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006, diện tích sử dụng của hộ ông Triệu Văn Minh là 3,68 ha Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sau cô phần hóa gồm 1,00 ha đất có hợp đồng Công ty đã giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ cho ông Triệu Văn Minh (chồng bà Phan Thị Phương), 2,68 ha hộ ông Triệu Văn Minh đang lấn chiếm tự đầu tư.

Đối với diện tích Công ty chưa giao khoán cho hộ ông Triệu Văn Minh đang lấn chiếm tự đầu tư, Công ty đã đề nghị ông Minh ký hợp đồng nhận khoán với Công ty trong năm 2018. Hộ ông Triệu Văn Minh không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang lấn chiếm của Công ty.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận quyền sử dụng đối với diện tích theo hiện trạng sử dụng của ông Minh thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến và quyền sở hữu toàn bộ cây trên đất với lý do nguồn gốc đất được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho bố là ông Triệu Tiến Tiên từ năm 1993, ông được nhận tặng cho, ông bị công ty ép ký hợp đồng trắng thì mới cho khai thác (Biên bản hòa giải tranh chấp ngày 27/8/2019 tại UBND xã Hợp Tiến).

Tuy nhiên, nguyên đơn không xuất trình tài liệu về hiện trạng để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn cũng không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận việc

tặng cho. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên và căn cứ trên nhu cầu của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán. Trong khi đó, Tổng Công ty có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Đất tranh chấp là của Công ty được Nhà nước cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất và cây trồng trên đất mà chủ hộ có ký hợp đồng đồng với Công ty thì gia đình trả sản phẩm với Công ty theo các điều khoản Hợp đồng đã ký với Công Ty.

Bởi những lẽ trên, Tổng công ty đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1. Đề nghị xác định toàn bộ 4,10 ha đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh trong đó có 03 ha thuộc lô 18, 21 trong sổ xanh mang tên bố chồng tôi là ông Triệu Tiên Tiên và 1,10 ha thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Minh bà Phương.

2. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số BA866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/2/2011.

3. Đề nghị Công ty hủy bỏ hợp đồng kí ngày 17/04/2019 do không vi phạm sự tự nguyện khi giao kết Hợp đồng.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích bà Phương và ông Minh đang quản lý, sử dụng và phần đất ông Minh đã nhận giao khoán với Công ty, phía Công ty sẽ vẫn tạo điều kiện cho ông Minh và bà Phương được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng ông Minh và bà Phương phải nộp sản lượng với Công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết về diện tích đất và nội dung của Hợp đồng giao nhận khoán, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị giải quyết các Hợp đồng giao khoán với Công ty mà Nguyên đơn cho là bị ký khống. Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam sẽ thực hiện quyền khởi kiện vụ án riêng.

*** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Tiên Dũng, ông Tạ Quang Trang trình bày bản luận cứ:**

Hồ sơ giao đất rừng của Lâm trường đồng hỷ hiện nay người dân vẫn chưa bị thu hồi. Phía Nguyên đơn đang sử dụng 4,10 ha bao gồm hơn 1 ha đất được cấp sổ xanh ở lô 4 khoảnh 11B tiểu khu 413 huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và 3 ha thuộc lô 18, 21 khoảnh 11B tiểu khu 413 huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trên đất. Thời gian gần đây công ty mới cắm mốc và yêu cầu ký vào bản hợp đồng khai thác lâm sản.

Hồ sơ giao đất, giao rừng này thực chất là Hợp đồng giao khoán, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị và ông Minh được quyền sử dụng. Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao khoán này chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm của UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán mà Nguyên đơn đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký không, Công ty cho người dân ký trước, sau đó mới điền nội dung. Chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định ký hợp đồng trước sau đó mới điền nội dung làm căn cứ hủy hợp đồng giao nhận khoán và công nhận QSD đất là của gia đình ông Minh.

Công ty Lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất nên người dân đang cho rằng việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất này cấp chồng lấn vào diện tích đất của gia đình ông Minh đã sử dụng từ trước.

Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên bà Phan Thị Phương yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích tranh chấp gồm 2 phần, cụ thể:

Lô 18,21 diện tích 22284,3m² và 8281,6 m²; lô 4 diện tích 10550,5m²;
Thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. **Tổng diện tích: 41116.4 m².** (Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo)

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phối hợp với các cơ quan lưu giữ tài liệu chứng cứ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của 11 hộ dân xã Hợp Tiến huyện Đông Hỷ đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Ngày 06/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên gửi công văn số 03/TA-DS đến Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc trả lời trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất cho Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Ngày 01/4/ 2022 Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nhận công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên trả lời Tòa án về trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất cho Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (Trước là Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên) nay là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần như sau:

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền Cấp GCNQSD đất: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

+ Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đông Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Trước đây Lâm trường Đông Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đông Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Việc cấp GCNQSD đất :

Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ đồng thời ký GCNQSD

đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011.

Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Tại Công văn số 55/CV-HKL ngày 18/4/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ cung cấp: Căn cứ sơ đồ trích đo (file số) hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình xã Hợp Tiến đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Hạt kiểm lâm đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng do Hạt kiểm lâm quản lý theo Quyết định 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 đến năm 2020 thì khu vực trên về cơ bản đều thuộc Quy hoạch là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng; chỉ còn 1,0 ha theo hồ sơ trích đo của ông Hoàng Văn Hải là không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng(có sơ đồ đánh dấu vị trí trích đo nằm ngoài quy hoạch kèm theo văn bản này). Còn nội dung xác định chủ quản lý theo vị trí là số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích từng thửa không thuộc đối tượng theo dõi của Hạt kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.

Ngày 21/6/2022 Tòa án Đồng Hỷ gửi công văn số 490/2022 đề nghị UBND xã Hợp Tiến cung cấp thông tin, tài liệu về diện tích đất trả về địa phương khi Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần – Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên cổ phần hóa, việc quản lý đất của xã đối với diện tích đất trả về địa phương; Cho biết việc các hộ dân có khai hoang đất hay không và có làm thủ tục để cấp GCNQSD đất đối với diện tích khai hoang hay không?

Tại Công văn số 554/UBND ngày 04/7/2022 của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ phúc đáp Công văn số 490/2022 ngày 21/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ như sau:

Trước khi cổ phần hóa, chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần – Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã trả về địa phương diện tích đất là 817,23 ha(8.172,262 m²) đất trồng rừng sản xuất tại Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất do chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã: Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương có biên bản bàn giao chỉ giới do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên để giao cho UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch ngày 03/6/2015.

Diện tích đất hiện nay 11 Nguyên đơn đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên không nằm trong diện tích đất trả về địa phương mà hiện nay địa phương đang quản lý.

Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương hiện nay UBND xã Hợp Tiến đã xây dựng xong phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định.

Đến thời điểm này UBND xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Đối với toàn bộ diện tích các hộ đang khởi kiện thì các hộ chưa có hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lần nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án phải đưa ra xét xử công khai.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Nguyên đơn (bà Phương) người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phương, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Bình) giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Căn cứ vào các quy định của pháp luật, căn cứ các tài liệu chứng cứ của đương sự và chứng cứ được Tòa án thu thập xác nhận nguồn gốc đất hiện bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đang quản lý, sử dụng có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất từ năm 2011. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương về việc Công nhận 4,10 ha đất và cây trồng trên đất là của ông bà Phan Thị Phương.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương đề nghị Tòa án buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất của bà Phương do bà Phương không liên quan đến hợp đồng giao khoán.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà Phan Thị Phương đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 vị trí đất tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị Phương phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ (đo đất bằng máy) và chi phí định giá tài sản: bà Phương đã thanh quyết toán chi phí xong.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Phương và ông Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh xác định đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; Tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng được quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng(ông Trình), ông Trình có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt họ. HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người trên.

*** Về Nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:

Công nhận 4,10 ha đất rừng là của vợ chồng ông. Nguồn gốc là ông Triệu Tiến Tiên bố ông Minh (nay đã mất)được Lâm trường Đồng Hỷ giao 4,2 ha đất thuộc lô, 18; 21 khoảnh 11B tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà tại Xóm Bãi Vàng xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thể hiện thông qua sổ bìa xanh “Hồ sơ giao đất rừng” số 924 mang tên ông Triệu Tiến Tiên. Năm 2011, bố chồng tôi có biên bản họp gia đình cho vợ chồng tôi sử dụng hơn 01 ha đất thuộc lô 4, khoảnh 11B, tiểu khu 413 khe Suối Ó sau nhà và 3 ha trong tổng diện tích 4,1 ha thuộc lô 18; 21, khoảnh 11B, tiểu khu 413 trong sổ xanh của xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình tôi đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông có quyền khai thác, sử dụng.

Kết quả do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng đất bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là 41116,4 m² tương đương 4,10 ha đất trồng rừng chỉ là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số BA 866531 tại thửa 188 tờ bản đồ số 4 có diện tích 41116,4 m².

Xét thấy: Không có tài liệu chứng cứ nào xác định việc ông Minh, bà Phương khai hoang, khai phá đất.

Thời điểm năm 2006 nhà nước đang thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ – CP của Chính phủ

hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003. Trước đó Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái(nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha, trước thời điểm này đã thiết lập bản đồ quản lý rừng và đất rừng trên cơ sở của Bản đồ 299 theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10 tháng 11 năm 1980 về “Công tác đo đạc, phân hàng và đăng ký ruộng đất trong cả nước” để quản lý chặt chẽ và thống nhất đất đai trong cả nước theo Quyết định 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các ngành, các cấp tiến hành công tác đo đạc, lập bản đồ phân loại đất, phân hạng đất canh tác và đăng ký, thống kê tình hình sử dụng ruộng đất trong cả nước.

Về mặt thực tế sử dụng đất: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được Nhà nước giao đất quản lý, sử dụng đất và điều chỉnh việc quản lý, sử dụng đất theo các văn bản pháp luật bởi các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Thái cho phù hợp với các văn bản pháp luật trong từng giai đoạn khác nhau. Diện tích đất lâm nghiệp 4,10ha mà bà Phương ông Minh đang canh tác là diện tích Công ty lâm nghiệp Thái nguyên được UBND tỉnh Thái nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại quyết định số 320/UB-QĐ ngày 15/02/2011 và nằm trong phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá của Công ty lâm nghiệp đã được UBND tỉnh Thái nguyên chấp thuận tại văn bản số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014.

Quá trình giải quyết vụ án ông, bà Phương Minh không cung cấp được chứng cứ chứng minh những vị trí đất đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của vợ chồng ông bà thuộc địa phận xã Hợp Tiến, tỉnh Thái Nguyên ngoài việc gia đình có sử dụng diện tích đất trên theo địa giới hành chính, không có văn bản nào của UBND xã Hợp Tiến xác nhận việc ông bà khai phá đất, bản thân ông bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng ông bà khai phá đất. Mặt khác UBND xã Hợp Tiến, xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Qua hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp. Do vậy, nguyên đơn cho rằng được bố đẽ cho diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là không có căn cứ và cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu

của bà Phương về việc đề nghị Tòa án Công nhận QSD 4,10 ha đất là đất của vợ chồng ông bà do bỏ để cho.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án Tuyên hủy tất cả các hợp đồng giao khoán do bị ép ký không.

Về hồ sơ giao đất giao rừng số 924 mang tên Triệu Tiến Tiên do Lâm trường Đồng Hỷ, Thái Nguyên cấp ngày 30/11/1993 có đơn xin nhận đất, nhận rừng ; Biên bản giao rừng và đất rừng với diện tích 4,75 ha; Sau đó Ông Triệu Văn Minh tiếp tục ký các Hợp đồng giao nhận khoán cụ thể là:

+ Hợp đồng số 25/2016-HĐ ký ngày 06/06/2016 tại lô C 53, khoảnh 11B, tiểu khu 195, diện tích 1,60 ha.

+ Hợp đồng số 36/2021-HĐ ký ngày 15/01/2021 tại lô 164,164a, khoảnh 11B, tiểu khu 195, diện tích 1,00 ha.

Tổng diện tích ông bà Minh Phương ký Hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp là 2,60 ha còn lại là 2,34ha lần chiếm đất của Tổng công ty Lâm nghiệp.

Hội đồng xét xử thấy, việc giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ trên cơ sở diện tích đất mà Lâm trường Đồng Hỷ được UBND tỉnh Bắc Thái giao đất giao rừng tại Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992, diện tích đất này thuộc quỹ đất của Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước. Còn việc giao đất cho các hộ dân theo Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994 trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương và thẩm quyền quyết định xác lập các khu rừng và giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp huyện theo Điều 8 của Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và thời hạn giao đất cho hộ gia đình cá nhân là 50 năm, thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

Xét về cơ chế giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Trước năm 1999, Lâm trường Đồng Hỷ thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã thực hiện giao khoán cho các hộ nhận khoán là thực hiện theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng; Các Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn PAM và nguồn vốn dự án 327.

Thực hiện Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã có công văn số 34/CTVDTN về việc tăng cường biện pháp quản lý, sử dụng rừng và đất rừng. Trong đó Công ty yêu cầu các hộ nhận khoán trước đây được Lâm trường Đồng

Hủy giao khoán bằng hồ sơ giao đất, giao rừng(sỏ xanh) phải chuyển sang Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/CP.

Thực hiện Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

Từ năm 2006 đến năm 2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng trên đất của Công ty được giao quản lý bằng các Hợp đồng giao khoán với các hộ dân.

Từ ngày 15/02/2017 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH Một thành viên Nông, Lâm nghiệp nhà nước.

Về mô hình giao khoán, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi được thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp.

Hồ sơ giao đất, giao rừng số 924 ngày 30/11/1993 của Lâm trường Đồng Hỷ cấp cho ông Triệu Tiến Tiên diện tích 4,75 ha. Điều 2 của Quyết định giao đất, giao rừng quy định: “ *Chủ rừng được chủ động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả phần đất được giao, hưởng mọi quyền lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định và chính sách của nhà nước*”

Ông Phạm Văn Trình - Nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty xác định trong thời gian làm đội trưởng ông không thu khoản tiền nào của người nhận khoán mà việc thu là do kế toán công ty thu có hóa đơn thu chi giao cho các hộ nhận khoán. Khi ký các hợp đồng giao khoán thì người nhận khoán đã biết và được thỏa thuận nội dung hợp đồng, có đơn xin nhận khoán, hợp đồng đã có nội dung được đánh máy đầy đủ các điều khoản và người nhận được đọc, thông qua nội dung trong hợp đồng nhất trí mới ký hợp đồng. Việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, không có ký khống, vì đất này thuộc quyền quản lý của công ty nên nếu hộ dân nào không ký thì sẽ có hộ dân khác ký Hợp đồng giao khoán với công ty. Ông Minh không cung cấp được chứng cứ về việc bị ép ký khống các hợp đồng giao nhận khoán.

Đến năm 2019 ông Minh, bà phương mới khởi kiện ra Tòa án, do đó việc ông bà cho rằng Công ty ép và cho ký khống các hợp đồng và Yêu cầu hủy các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa ông Minh thừa nhận những chữ ký trong các hợp đồng giao khoán là chữ ký của ông, nhưng ông chỉ ký chứ không có nội dung, ông bị ký

không và trong hợp đồng ông Minh đã ký không có số lô, số thửa. sau đó về Công ty tự ghi thêm nội dung giao khoán. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng thừa nhận chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau khi ký. Vợ chồng ông bà Phương và Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông bà đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định hợp đồng ký trước sau đó mới điền nội dung. Hồ sơ giao đất giao rừng (Lâm trường Đồng Hỷ giao) chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, nếu Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa hết thời hạn.

Hội đồng xét thấy: Những Hợp đồng giao nhận khoán của ông Triệu Văn Minh ký với Công ty đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng; Phiếu nghiệm thu sản phẩm đều có xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng nêu trên giữa ông với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Từ khi ông Minh ký Hợp đồng nhận khoán năm 2016 và năm 2021 với Công ty ông không có ý kiến thắc mắc gì. Khi khởi kiện ra Tòa ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông bị ép ký, bị ký khống vào các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty, lời trình bày của ông không có căn cứ.

Theo Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước quy định tại:

“ Điều 11 Giao khoán đất lâm nghiệp:

1. Bên giao khoán xác định diện tích, hiện trạng, vị trí, ranh giới từng lô, khoảnh rừng trên thực địa và bản đồ để giao cho bên nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo hợp đồng;

2. Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm;đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh. ”

Ông Minh ký hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là rừng sản xuất thì thời hạn tính theo chu kỳ kinh doanh chứ không phải thời hạn là 50 năm như ông bà và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông bà trình bày. Vì vậy, bà Phương ông Minh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà cho rằng Công ty ép ký và cho ký khống các hợp đồng, đề nghị giám định tuổi mực trong hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là

không có căn cứ chấp nhận vì khi ký Hợp đồng bản thân ông Minh là người có năng lực hành vi dân sự, có đơn xin nhận khoán, từ khi ông ký Hợp đồng nhận khoán năm 2016 và năm 2021 đến nay ông đã và đang thực hiện hợp đồng và các Hợp đồng của ông ký đều có vị trí trọn vẹn Lô 18,21 diện tích 22284,3m² và 8281,6 m²; lô 4 diện tích 10550,5m² được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011.

Trên phần đất lấn chiếm, ông Minh, bà Phương đã trồng một số cây trên đất, gây thiệt hại đến tài sản của Công ty và tạo dư luận xấu trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nếu ông Minh không thỏa thuận được với Công ty Lâm nghiệp để được trồng rừng thì ông phải khai thác cây trồng trái phép trên đất của Công ty và trả lại đất cho Công ty.

Đối với một số cây trồng trên diện tích do ông Minh ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty khi đến kỳ khai thác theo hợp đồng thì phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu của bà Phương, ông Minh và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn đề nghị Tòa án Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên – chi nhánh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Căn cứ Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, thì diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nai, Đông giáp huyện Võ Nai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi, Nam giáp tỉnh Hà Bắc, Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tại Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty

TNHH một thành viên. Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp.

Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Việc cấp GCNQSD đất đã được Văn phòng đăng ký QSD đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình lên Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đất bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đang quản lý tranh chấp với Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam có Nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có Quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích đất được bàn giao nguyên trạng, tuy nhiên trong phạm vi ranh giới Lâm trường Đồng Hỷ có nhiều dân cư sinh sống, số dân cư này đã chiếm giữ một phần đất của lâm trường. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009. Xét thấy việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên không cần thiết phải đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn đơn đề nghị Tòa án hủy GCNQSD của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần- Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

Ngày 10/12/2020 Hội đồng định giá tài sản và xác định giá trị tài sản tranh chấp như sau:

+ Căn cứ Quyết định số 46/2019/QĐ- UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

+ Căn cứ Quyết định số 39/2017/QĐ- UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về đơn giá bồi thường cây trồng vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

* Về giá trị đất: Theo các bản trích đo hiện trạng có từng khu thể hiện diện tích như sau: $41116,4 \text{ m}^2 \times 9.000 / \text{m}^2 = 370.047.600$ đồng.

(*Ba trăm bảy mươi triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng*).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ cứ điểm e mục 1.3 án phí dân sự sơ thẩm trong danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Phan Thị Phương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Giá trị đất tranh chấp là 370.047.600 đồng. Số tiền án phí là 18.502.380 đồng. Xét thấy, ông Minh, bà Phương có đơn đề nghị miễn án phí, do hoàn cảnh khó khăn gia đình có sổ hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phương, ông Minh.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị Phương phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đất bằng máy và định giá tài sản 9.000.000 đồng. Bà Phương đã nộp và chi phí xong.

[6] Về quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

- Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Thông tư 06/LN KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 7, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư 17/2009/TT- BTNMT ngày 21/10/2009 Thông tư của Bộ Tài Nguyên & Môi trường quy định về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Điều 2, 8, 12, 36, 40 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991;

- Điều 7, 8, 24, 28 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

- Điều 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 105, 106, 107, 116, 117, 119, 289, 483, 484, 485 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị công nhận 41116.4 ha rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông bà, theo vị trí đất được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất tranh chấp tại Lô 18, 21 diện tích 22284,3m² và 8281,6 m²; lô 4 diện tích 10550,5m² tổng là **41116.4 m²** tương đương **4,10 ha** đất trồng rừng thuộc thửa số 188 tờ bản đồ số 4, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Vị trí thửa đất tranh chấp như sau:

+ Phía Bắc: giáp với đất ông Tân, ông bà Hai Lê và ông Vương.

- + Phía Tây Nam: giáp với đất anh Bảo.
- + Phía Đông giáp đất ông Phan Đức Phương.
- + Phía Tây giáp với đất ông Phúc, ông Tiến.
- + Phía Đông Nam giáp với đất ông Thành, ông Hai.

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

(Có bản trích đồ hiện trạng thửa đất kèm theo do bà Phương dẫn đạc được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông cho rằng bị ép ký không từ năm 2016 và 2021.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: ông Minh, bà Phương phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng (đã chi phí xong).

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị Phương và ông Triệu Văn Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

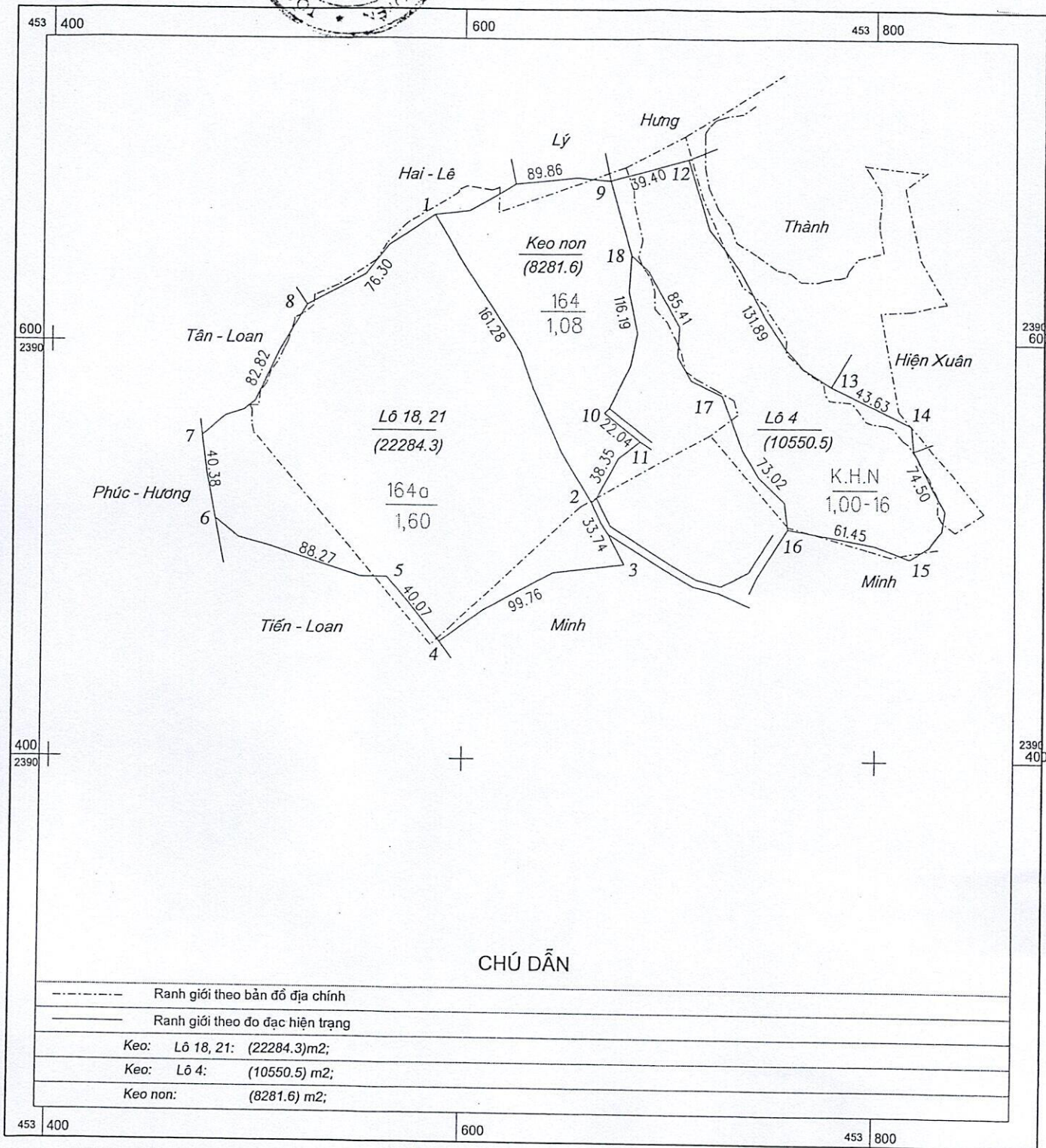


Qu
Nguyễn Quang Tuấn



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG TRIỆU VĂN MINH BA PHAN THỊ PHƯƠNG XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỶ



Đo vẽ tháng 12, năm 2020

Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Tháng 12 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH

Hà Nguyễn Châu

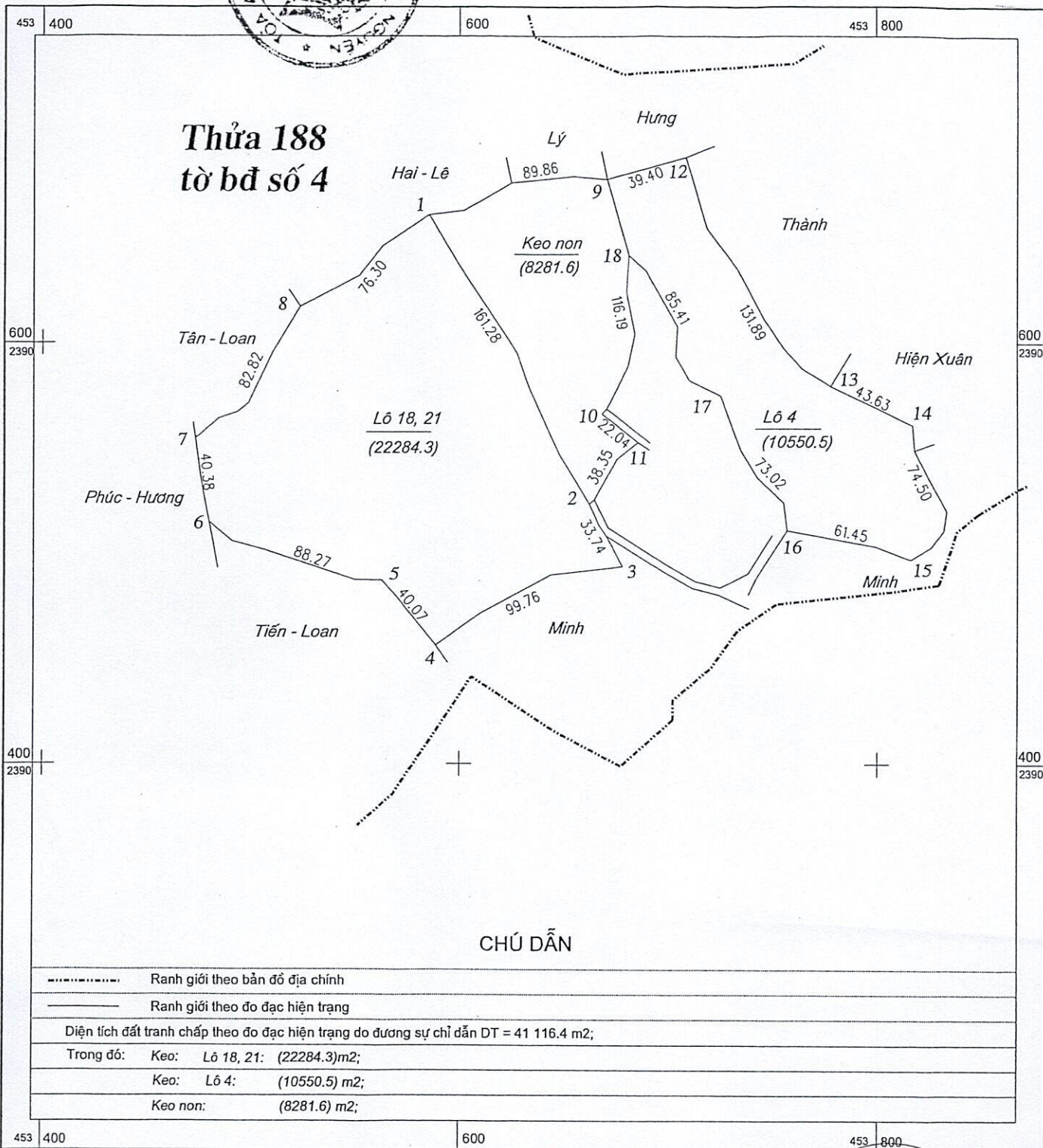


GIÁM ĐỐC

Trần Văn Diễm

TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG TRIỆU VĂN MINH BA PHAN THỊ PHƯƠNG XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 12 năm 2020

Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Tháng 12 năm 2020
Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Điền